

ĐƠN VỊ: Phòng Hành chính

BM 03/QĐMS-20

Số: 0368/2022/TTr-0690604

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 11 năm 2022

TỜ TRÌNH CHỦ TRƯỞNG

V/v: Duyệt thuận sử dụng ngân sách mở mới chi nhánh Bắc Sài Gòn

Kính gửi:

- Căn cứ Quyết định 268A/2022/QĐ-HC ngày 30/09/2022 về việc Ban hành Quy định mua sắm hàng hóa dịch vụ; Căn cứ nhu cầu mua sắm thực tế

I – TRÌNH DUYỆT CHỦ TRƯỞNG:

CN BAC SAI GON kính trình phê duyệt chi tiêu/mua sắm, chi tiết như sau:

1. Nội dung công việc chi tiêu/mua sắm:

Loại tiền tệ: VND

STT	Mô tả tên hàng hóa/dịch vụ	Quy cách kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá dự kiến	Thành tiền dự kiến	Hình thức mua sắm	Đơn vị được chỉ định (nếu có)	Lý do chỉ định (nếu có)
1	Mở mới Chi nhánh	Theo File đính kèm	gói	1	7,702,329,423	7,702,329,423	Theo quy định của BVB		
2	Biển hiệu Chi nhánh	Theo File đính kèm	gói	1	986,264,640	986,264,640	Chỉ định	Công ty CP TK XD và TTNT ASIA	đơn vị đã từng thi công nhiều công trình của BVB
3	Gói thiết bị công nghệ thông tin	ĐVCM phụ trách	gói	1	561,500,000	561,500,000	Theo quy định của BVB		



4	Gói tài sản, công cụ lao động	ĐVCM phụ trách	gói	1	315,020,000	315,020,000	Theo quy định của BVB		
5	Tổ chức sự kiện khai trương	ĐVCM phụ trách	gói	1	150,000,000	150,000,000	Theo quy định của BVB		
6	Đào tạo nội bộ	ĐVCM phụ trách	gói	1	3,440,751	3,440,751	Theo quy định của BVB		
7	Hệ thống PCCC	Theo File đính kèm	gói	1	380,731,860	380,731,860	Chi định	Công ty TNHH ĐT XD và PCCC Sài Gòn	đơn vị đã từng thi công nhiều công trình của BVB
Tổng cộng					10,099,286,674	10,099,286,674			

- Lý do chi tiêu/mua sắm: Cải tạo xây dựng nội thất & biển hiệu chi nhánh Bắc Sài Gòn
- Chi phí thực hiện: 10,099,286,674

Trong đó:

- Trong kế hoạch: 2,016,225,391
- Ngoài kế hoạch: 4,083,061,283
- Đơn vị chịu chi phí: CN BAC SAI GON
- Thời gian khấu hao/phân bổ dự kiến:
- Nội dung khác: (1) (nếu có)

2. Hạng mục ngân sách:

STT	Hạng mục kế hoạch	Đơn vị	Ngân sách được duyệt	Đã sử dụng	Còn lại	Số tiền trình sử dụng	Ngân sách còn lại dự kiến
			(a)	(b)	(c) =(a)-(b)	(d)	(e) =(c)-(d)

1	Chi phí đào tạo - 2022	CN BAC SAI GON	28,181,652	0	28,181,652	3,440,751	24,740,901
2	Gói chung mua sắm CNTT_Bắc Sài Gòn - 2022	CN BAC SAI GON	561,500,000	0	561,500,000	561,500,000	0
3	Khai trương - 2022	CN BAC SAI GON	150,000,000	0	150,000,000	150,000,000	0
4	CN Bắc Sài Gòn_Nội thất - 2022	CN BAC SAI GON	4,000,000,000	0	4,000,000,000	8,083,061,283	-4,083,061,283
5	CN Bắc Sài Gòn_Băng hiệu - 2022	CN BAC SAI GON	2,000,000,000	0	2,000,000,000	986,264,640	1,013,735,360
6	Gói chung mua sắm HC_Bắc Sài Gòn - 2022	CN BAC SAI GON	1,815,020,000	0	1,815,020,000	315,020,000	1,500,000,000
	Tổng cộng		8,554,701,652	0	8,554,701,652	10,099,286,674	-1,544,585,022
Xác nhận của Đơn vị quản lý Ngân sách:							

II – ĐIỀU CHUYỂN NGÂN SÁCH: (Áp dụng trong trường hợp Ngân sách còn lại của Đơn vị lập không đủ chi phí thực hiện)

S T T	NGÂN SÁCH CHUYỂN						Hạng mục kế hoạch nhận điều chuyển	NGÂN SÁCH NHẬN						
	Hạng mục kế hoạch điều chuyển	Đơn vị chuyển	Được duyet	Còn lại trước điều chuyển	Số tiền điều chuyển	Còn lại sau điều chuyển		Đơn vị nhận	Được duyet	Còn lại trước điều chuyển	Số tiền nhận điều chuyển	Còn lại sau điều chuyển	Số tiền trình sử dụng	Còn lại dự kiến sau khi trình sử dụng
			(a)	(b)	(c)	(d)=(b)-(c)			(e)	(f)	(g)	(h)=(f)+(g)	(i)	(j)=(h)-(i)
1	CN Bắc Sài Gòn_Băng hiệu - 2022	CN BAC SAI GON	2,000,000,000	2,000,000,000	950,000,000	1,050,000,000	CN Bắc Sài Gòn_Nội thất - 2022	CN BAC SAI GON	4,000,000,000	4,000,000,000	950,000,000	4,950,000,000	8,083,061,283	3,133,061,283
2	CN Thuận An_Nội thất - 2022	CN THUAN AN	4,000,000,000	4,000,000,000	3,133,061,283	866,938,717	CN Bắc Sài Gòn_Nội thất - 2022	CN BAC SAI GON	4,000,000,000	4,000,000,000	3,133,061,283	7,133,061,283	8,083,061,283	-950,000,000
	Tổng cộng		6,000,000,000	6,000,000,000	4,083,061,283	1,916,938,717			8,000,000,000	8,000,000,000	4,083,061,283	8,083,061,283	10,099,286,674	2,016,225,391
Xác nhận của Đơn vị chuyển Ngân sách (*)														

Xác nhận của Đơn vị quản lý Ngân sách (*)

Xác nhận của Phòng Tài chính.

(*) Ký & ghi rõ Phòng ban, Họ tên.

Phòng kế toán (2)

Trưởng đơn vị (3)

Phê duyệt của cấp có thẩm quyền (4)